

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO**

- * - * - * -



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**



Tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:.....	6
2.1. Ngành nghề kinh doanh	6
2.2. Địa bàn kinh doanh:	7
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
3.1. Mô hình quản trị:.....	7
3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	8
3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không	9
4. Định hướng phát triển	9
4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.....	9
4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	9
4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững	10
5. Các rủi ro.....	10
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	11
1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh	11
1.2. Tình hình thực hiện so với cùng kỳ	15
2. Tổ chức và nhân sự	16
2.1. Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	16
2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không	17
2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động	17
3. Tình hình đầu tư:	19
3.1. Các khoản đầu tư lớn	19
3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không	20
4. Tình hình tài chính	20
4.1. Tình hình tài chính	20
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	20
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	21
5.1. Cổ phần	21
5.2. Cơ cấu cổ đông.....	22
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:.....	22
5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không	23

5.5. Các chứng khoán khác: Không.....	23
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	23
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:.....	23
6.2. Tiêu thụ năng lượng:.....	24
6.3. Tiêu thụ nước:.....	24
6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	24
6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.....	25
6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	26
6.7. Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.....	27

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	27
1.1. Khó khăn.....	27
1.2. Thuận lợi	28
2. Tình hình tài chính.....	29
2.1. Tình hình tài sản	29
2.2. Tình hình nợ phải trả: Không có.....	30
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	30
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	31
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	31
5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường	31
5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động	31
5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.....	32

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	32
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	33
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	33
3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.....	33
3.2. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	33

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị	34
1.1. Danh sách Thành viên HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2023:34	

1.2. Chức danh TV.HĐQT của Công ty tại các doanh nghiệp khác:.....	35
1.3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:	35
1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị:	35
1.5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	36
1.6. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:.....	36
1.7. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:	37
1.8. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:	37
2. Ban Kiểm soát	37
2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.....	37
2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)	37
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	39
3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích	39
3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:	41
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:	41
3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:	42
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	42
1. Ý kiến kiểm toán	42
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	43

Số: 88/BC-SAF/TCHC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303752249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 14/4/2005, thay đổi lần thứ 16 ngày 27/03/2023.
- Vốn điều lệ : **120.465.900.000** đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 176.949.830.341 đồng.
- Địa chỉ : 1079 Phạm Văn Đồng, Khu phố 1, Phường Linh Tây, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại : 84 - 28 - 37245264
- Số fax : 84 - 28 - 37245263
- Website : www.safocofood.com
- Mail : safoco@hcm.vnn.vn
- Mã cổ phiếu : **SAF**

Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1995

Cửa hàng Lương thực Thực phẩm Số 4 (tiền thân của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco) được thành lập theo Quyết định số 224/STM-QĐ ngày 29/4/1995 của Sở Thương mại Tp.HCM.

Năm 1999	Cửa hàng Lương thực Thực phẩm Số 4 được đổi tên thành Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm Safoco theo Quyết định số 033/QĐ-HĐQT ngày 10/5/1999 của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.
Năm 2004	Xí nghiệp đã tiến hành cổ phần hóa và chuyển hình thức doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4451/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
Năm 2005	Xí nghiệp chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 01/5/2005 theo Giấy phép kinh doanh số 4103003305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/2005 với vốn điều lệ là 22.000.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng</i>), trong đó Nhà nước nắm giữ 51,29%

Thời điểm niêm yết

Ngày 28/12/2006	Chính thức giao dịch 2.706.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SAF, theo Giấy phép niêm yết số 95/UBCK-GPNY do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/12/2006.
Ngày 08/6/2009	Chính thức giao dịch 2.706.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 215/QĐ-TTGDHN ngày 26/5/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Các danh hiệu thi đua, bằng khen



HCLĐ hạng Nhất (2005)

HCLĐ hạng Nhì (1998)

HCLĐ hạng Ba (1991)

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG



HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP

HCDL hạng Nhì (2021)

HCDL hạng Ba (2009)



CỜ THI ĐUA

12 CTĐ Chính phủ

07 CTĐ Bộ NN&PTNT

**02 CTĐ UBQL vốn nhà nước
tại doanh nghiệp**



BẢNG KHEN

**02 Bằng khen Bộ NN &
PTNT (2014, 2017)**

**02 Bằng khen UBQL vốn nhà
nước tại DN (2021)**

**03 Bằng khen UBND TP.
HCM (2021, 2022, 2023)**

Một số giải thưởng khác

- +** Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam" (2013, 2016);
- +** Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động (2018);
- +** Doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất sàn chứng khoán Việt Nam (2018);
- +** Doanh nghiệp phát triển bền vững (2019; 2020);

- ✦ Doanh nghiệp tiêu biểu dẫn đầu ngành thực phẩm Việt Nam – ASEAN - EU;
- ✦ Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất cùng hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;
- ✦ Top 10 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam - Sản phẩm vàng - Dịch vụ vàng Việt Nam;
- ✦ Top 10 Thương hiệu mạnh ngành nông nghiệp, thực phẩm.
- ✦ Top 15 Công ty niêm yết thực hiện tốt công bố thông tin minh bạch và quản trị công ty năm 2019 – 2020;
- ✦ Top 20 Nhãn hiệu nổi tiếng – Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam;
- ✦ Top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX (2016, 2017, 2018, 2019);
- ✦ **Thương hiệu quốc gia Việt Nam;**

Năm 2023

- ✦ Hàng Việt Nam chất lượng cao (19 năm liên tục từ 2005 – 2023);
- ✦ Hàng Việt Nam chất lượng cao - Chuẩn hội nhập (06 năm liên tục từ 2018 – 2023);
- ✦ Top 10 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam;
- ✦ Top 10 Thương hiệu mạnh quốc gia;
- ✦ Top 10 Thương hiệu mạnh ASEAN;
- ✦ Top 10 Thương hiệu xuất sắc Châu Á;
- ✦ Top 10 Thương hiệu tiêu biểu Châu Á – Thái Bình Dương;
- ✦ Top 10 Thương hiệu nổi tiếng Việt Nam;
- ✦ Top 20 Thương hiệu xuất sắc toàn cầu;
- ✦ Sản phẩm – Dịch vụ chất lượng toàn cầu;
- ✦ Sản phẩm nổi tiếng Quốc gia.

HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM



NUI



NUI GẠO



NUI CAO CẤP



**NUI NẤU
ĂN LIỀN**



**MÌ TRỨNG
CAO CẤP**



**MÌ TRỨNG
THƯỢNG HẠNG**



**MÌ XÀO
CAO CẤP**



MÌ RAU CỦ



MÌ CHAY



BÚN GẠO



BÚN KHÔ



BÚN TƯƠI



BÁNH TRÁNG (16 cm)



BÁNH TRÁNG (22cm)

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Mã ngành	Tên ngành
1074 (Chính)	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự <i>Chi tiết: Sản xuất mì, mì sợi, bún, nui, bánh tráng, các loại từ tinh bột, bột mì. Chế biến các mặt hàng lương - thực, thực phẩm (trừ sản xuất, chế biến tươi sống tại trụ sở).</i>
4632	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Mua bán các mặt hàng lương – thực phẩm, công nghệ phẩm, nông – thủy – hải sản, các loại thức uống nhanh, hàng tươi sống, rượu (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Tp.HCM về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trừ gạo, thuốc lá, đường mía, đường củ cải).</i>
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán hàng kim khí điện máy, hàng điện tử - điện lạnh – điện gia dụng. Mua bán vật liệu xây dựng (trừ các hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Mua bán các mặt hàng vải sợi, quần áo, mỹ phẩm, hàng trang sức, bóp ví, giày da, văn phòng phẩm, hàng sành sứ - thủy tinh, nhựa gia dụng.</i>
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <i>Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống (không hoạt động tại trụ sở).</i>
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng.</i>
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất đồ trang trí nội thất (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí và sản xuất hàng gốm – sứ - thủy tinh tại trụ sở).</i>
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ khí hóa lỏng để vận chuyển)

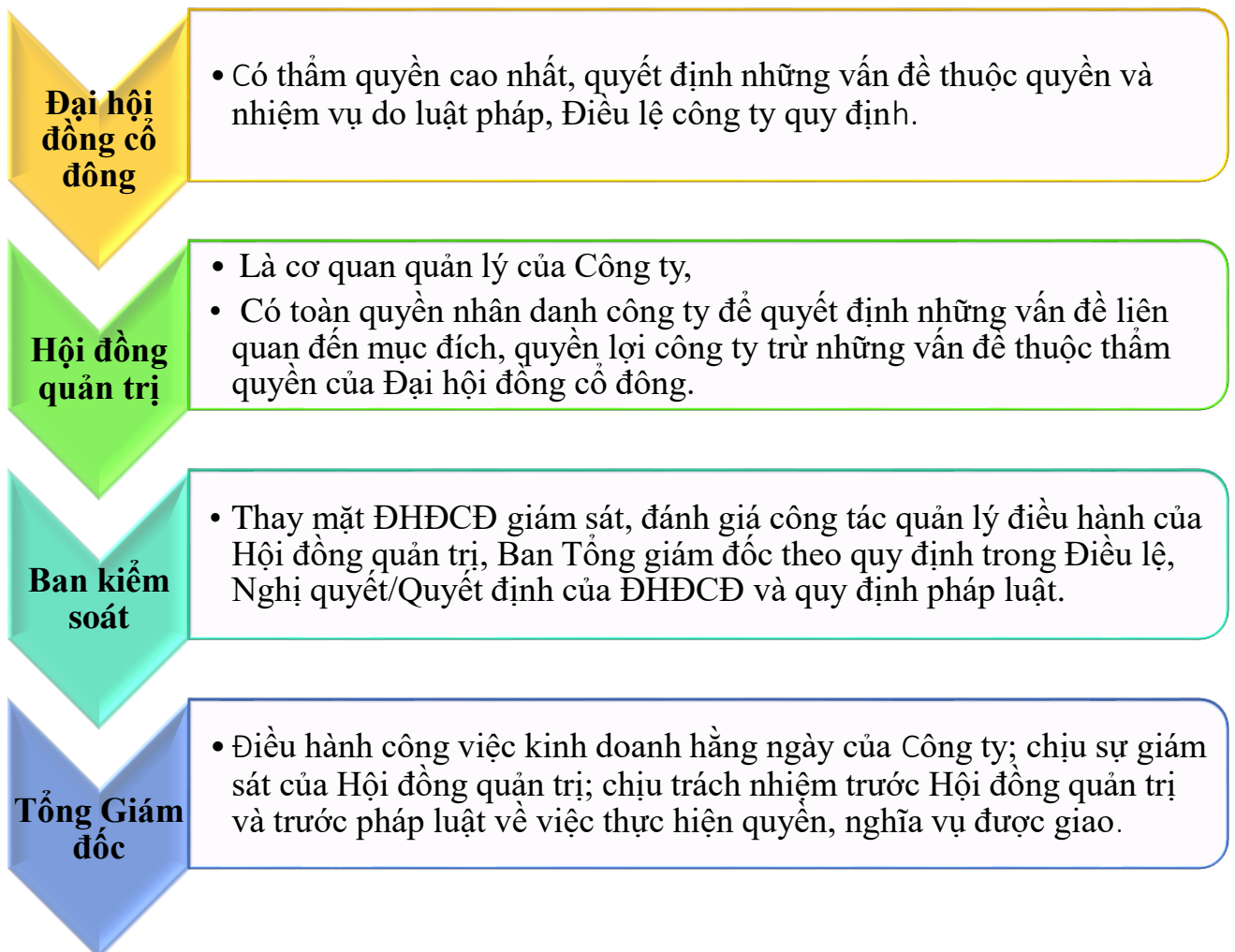
2.2. Địa bàn kinh doanh:

- ✚ **Thị trường trong nước:** Công ty đã thiết lập và khai thác tốt mạng lưới phân phối rộng khắp cả nước với gần 7.500 điểm bán hàng thông qua các đại lý truyền thống, kênh siêu thị cao cấp (như: Coop Mart, Big C, Vin Mart, Mega Market, Sài Gòn Satra, Aeon, Lotte Mart...), các cửa hàng tiện ích (Bách hoá xanh, Vissan, Vinafood Mart, G7 Mart, Sài Gòn HD...) đồng thời không ngừng khai thác thêm các cửa hàng tạp hóa, điểm bán nhỏ lẻ ở vùng sâu, để phân phối sản phẩm SAFOCO trực tiếp đến người tiêu dùng.
- ✚ **Thị trường xuất khẩu:** sản phẩm của SAFOCO đã được xuất khẩu hơn 120 quốc gia trên thế giới, đặc biệt là những thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng cao như: Mỹ, Úc, Pháp, Đức, Canada, Nga, Na Uy, Thụy Điển, Tiệp Khắc, Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước thuộc khối Asian...

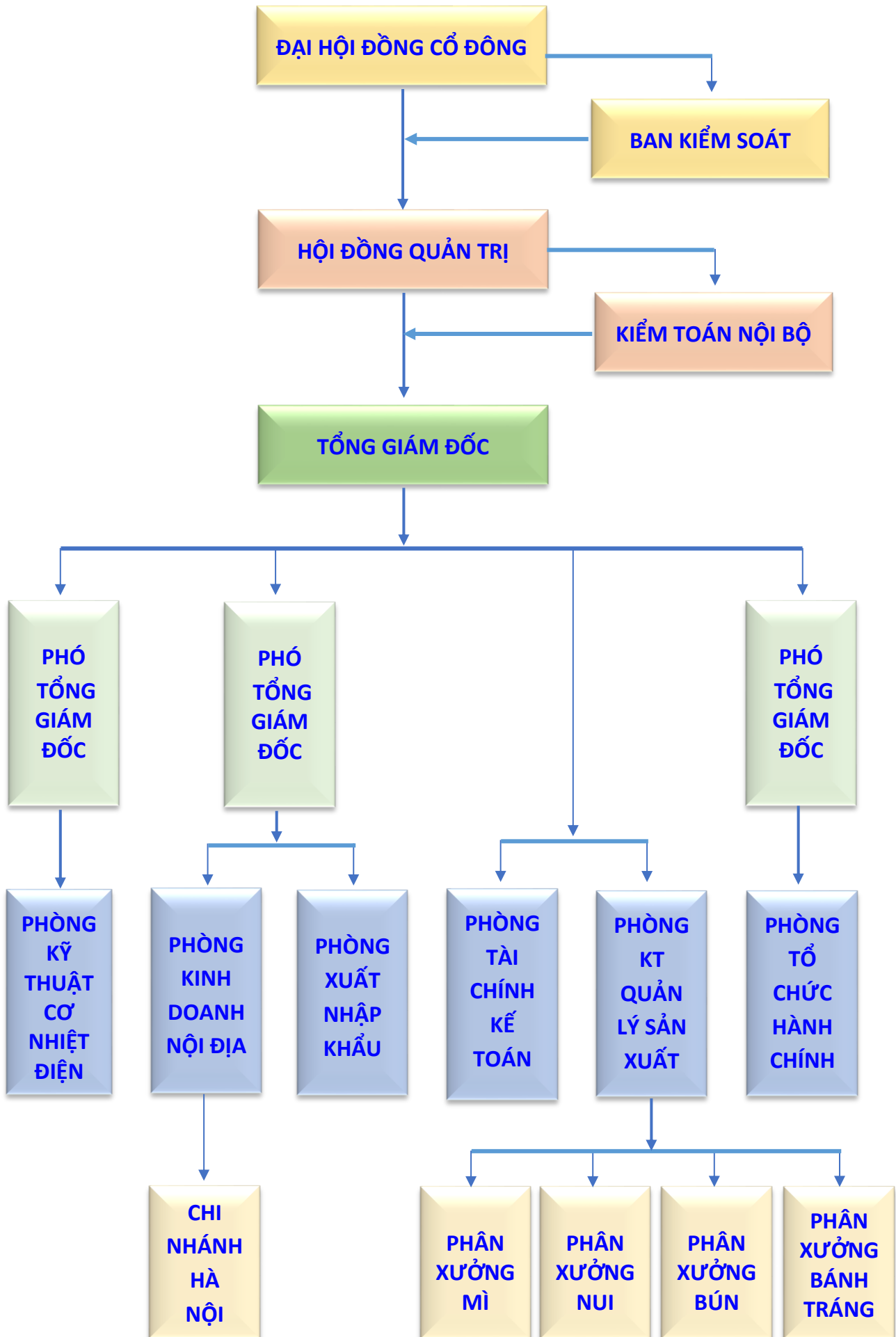
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong sản xuất chế biến thực phẩm khô, cung cấp sản phẩm có chất lượng và giá trị cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, đây là mục tiêu được ưu tiên đặc biệt của Safoco vì đó không chỉ là trách nhiệm của nhà sản xuất mà còn yếu tố quyết định sự sống còn của doanh nghiệp.
- Tiếp tục duy trì và xây dựng hệ thống phân phối vững mạnh ở thị trường trong và ngoài nước, tăng cường mở rộng mạng lưới tiêu thụ, gia tăng thị phần và giữ vững vị thế thương hiệu Safoco trên thị trường.
- Tạo môi trường làm việc tốt, an toàn, xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp và vận dụng chính sách lương thưởng cùng các chế độ đãi ngộ khác, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.
- Liên tục cải tiến, thực thi tốt các mục tiêu về xã hội và môi trường.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng thương hiệu Safoco ngày càng phát triển và đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế
- Không ngừng đầu tư đẩy mạnh hoạt động sản xuất, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, uy tín trên thị trường.
- Mở rộng mạng lưới phân phối, tăng tính đa dạng của sản phẩm, nghiên cứu phát triển sản phẩm phù hợp với từng đối tượng khách hàng.
- Tăng cường chương trình xúc tiến thương mại với các đối tác nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu gia tăng nguồn thu ngoại tệ.
- Nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ kế thừa, phát huy năng lực lao động có kỹ thuật tay nghề giỏi.
- Tiếp tục duy trì chiến lược phát triển thị trường bền vững, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, tối đa hóa lợi nhuận, hài hòa cả 03 lợi ích Nhà nước – Cổ đông – Người lao động.
- Trong định hướng phát triển chung, Safoco hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, sự phát triển của Safoco luôn song hành với trách nhiệm và lợi ích cho xã hội. Do đó, đảm bảo những hoạt

động của Công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Luôn tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất của Công ty, tuần hoàn, tái sử dụng nguồn tài nguyên, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, sử dụng năng lượng có hiệu quả, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khai thác tài nguyên thiên nhiên nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư địa phương.
- Đảm bảo quy trình sản xuất luôn đạt vệ sinh an toàn thực phẩm. Đối với sản phẩm xuất khẩu, luôn tuân thủ tiêu chuẩn của từng nước sở tại (như: Tiêu chuẩn của khối EU, tiêu chuẩn FDA của Hoa Kỳ, tiêu chuẩn KFPA của Hàn Quốc...).
- Xây dựng đội ngũ nhân viên đủ kinh nghiệm và bản lĩnh kinh doanh trong tình hình cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên trong việc bảo vệ nguồn nước, tài nguyên năng lượng, kêu gọi mọi người thực hiện triệt để việc tiết kiệm điện – nước, có ý thức tốt trong việc bảo vệ môi trường xanh và sạch.
- Luôn quan tâm đến trách nhiệm và lợi ích mang đến cho xã hội bên cạnh lợi nhuận của Công ty. Mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội, mang lại lợi ích cho cộng đồng và góp phần phát triển đất nước.

5. Các rủi ro

- **Rủi ro tỷ giá** : Hiện nay, sản phẩm Safoco đã xuất khẩu sang các thị trường lớn: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, khối EU... do đó biến động mạnh về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng tiêu thụ, doanh thu của Công ty.
- **Rủi ro cạnh tranh**: Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập nền kinh tế thế giới, điều này dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài cả về giá thành lẫn chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, Công ty còn phải cạnh tranh với các sản phẩm nhập ngoại, sản phẩm do các doanh nghiệp FDI sản xuất, sản phẩm nhãn hàng riêng của các siêu thị, hàng bán xá (không có bao bì), hàng kém chất lượng giá rẻ bày bán tràn lan tại các chợ... đây là những rủi ro thường xuyên mà Công ty phải đối mặt. Chính vì vậy, Công ty phải chú trọng nâng cao năng lực sản xuất, tạo sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm nhưng giá thành phù hợp mới đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- **Rủi ro về nguyên liệu đầu vào:** Chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng tương đối trong giá thành sản xuất của Công ty. Do đó, sự biến động tăng của giá nguyên vật liệu chắc chắn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Rủi ro về pháp lý:** Hiện nay, Việt Nam đang hội nhập với nền kinh tế toàn cầu, do đó hệ thống pháp luật của Việt Nam không ngừng được xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện cho phù hợp với các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các doanh nghiệp tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty phải cập nhật kịp thời những thay đổi của Luật, Nghị định, Thông tư để thực hiện đúng quy định.
- **Rủi ro khác:** các rủi ro khác như dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho con người và tài sản của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục có những biến động khó lường, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột Nga-U-crai-na diễn biến phức tạp. Lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của các nước trên thế giới. Nhiều quốc gia, trong đó có các đối tác thương mại lớn của nước ta tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro, tổng cầu thế giới suy giảm, tác động trực tiếp tới các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam.

Ở trong nước, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, GDP đạt mức tăng trưởng 5,05%, mặc dù thấp hơn chỉ tiêu đề ra nhưng là kết quả tích cực và thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất khu vực và thế giới. Bên cạnh kết quả đạt được, kinh tế nước ta cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức do tác động từ những cuộc xung đột trên thế giới, khiến giá nguyên, nhiên phụ liệu sản xuất tăng cao, cùng với chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia đã làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn, dẫn đến đơn hàng xuất khẩu sụt giảm nghiêm trọng, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, cắt giảm lao động.

Để hỗ trợ doanh nghiệp duy trì sản xuất, Chính phủ đã đề ra giải pháp như: miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất; giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng xuống còn 8%; đa dạng hóa nguồn cung nguyên, nhiên, phụ liệu, đáp ứng nhu cầu sản xuất

kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các rào cản thương mại, kể cả các biện pháp phòng vệ thương mại; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, ứng dụng thương mại điện tử trong tiếp cận thị trường, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.... Do vậy, năm 2023 cả nước có 217,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 4,5% so với năm 2022, tuy nhiên số doanh nghiệp rút khỏi thị trường vẫn còn cao (172,6 nghìn doanh nghiệp) tăng 20,5% so với cùng kỳ năm trước.

Riêng về ngành công nghiệp chế biến, theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của Tổng Cục thống kê, trong quý IV có 69,6% doanh nghiệp đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, 30,4% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn do không xuất khẩu được hàng, tiêu thụ ở thị trường trong nước thấp, giá nguyên vật liệu tăng, chi phí logistics quá cao...

Ngoài những khó khăn chung, Công ty Safoco cũng gặp rất nhiều khó khăn:

- Thời tiết diễn biến bất thường, 6 tháng đầu năm, do tác động của EL Nino nên ở khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ liên tục có các đợt nắng nóng gay gắt (nhiệt độ có nơi lên tới trên 40°C), người dân hạn chế ra đường, chủ yếu sử dụng các thực phẩm giải nhiệt, nhu cầu tiêu thụ các thực phẩm khác giảm mạnh. 6 tháng cuối năm, mưa bão, lũ quét, sạt lở đất xảy ra ở các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ, vì vậy sản lượng tiêu thụ của đại lý ở khu vực này giảm do đặc thù sản phẩm Safoco phải qua nấu sơ chế.

- Ngay từ cuối quý IV/2022, các doanh nghiệp trong nước gặp rất nhiều khó khăn do không có đơn hàng sản xuất, chi phí nguyên liệu tăng cao, buộc phải giảm lao động, giảm giờ làm, để duy trì hoạt động. Chỉ tính đến tháng 09/2023, cả nước có hơn 1,07 triệu lao động thất nghiệp (tập trung nhiều nhất là ở Bình Dương, Tp.HCM), thu nhập giảm, đời sống người dân rất khó khăn, buộc phải thắt chặt chi tiêu, chỉ tập trung mua sắm các mặt hàng tiêu dùng thật sự cần thiết. Hoạt động kinh doanh mua bán ở các chợ truyền thống rất ế ẩm, nhiều tiểu thương phải đóng cửa, sang sạp, tại các siêu thị cao cấp, trung tâm thương mại, thậm chí vào ngày cuối tuần vẫn vắng khách, hàng hóa bán ra rất chậm. Do vậy, cạnh tranh trên thị trường rất gay gắt, để có doanh thu các đối thủ liên tục tung các chương trình khuyến mãi sốc (mua 1 tặng 1, giảm giá 50% khi mua sản phẩm thứ 2, tăng mức chiết khấu lên từ 20-35%...) nhằm giải phóng hàng tồn kho.

- Mặt khác, ngay đầu năm, các nhà cung cấp nguyên, nhiên, phụ liệu liên tục tăng giá từ 15 – 30% (cụ thể: gạo tăng 21%, bột gạo khô tăng 18%, tinh bột sắn tăng 25%, xăng tăng 11%, điện tăng 7,5%), giá nguyên liệu tăng cao nhưng Công ty không thể tăng giá bán mà còn phải tăng cường khuyến mãi, tăng mức chiết khấu lên từ 20-30% để thúc đẩy lượng tiêu thụ, giữ thị phần, chi phí tăng cao dẫn đến lợi nhuận đạt thấp.

- Hoạt động xuất khẩu cũng gặp rất nhiều khó khăn, do ảnh hưởng nhu cầu tiêu dùng trên thế giới sụt giảm, bên cạnh đó, các quy định, rào kỹ thuật thương mại nhằm bảo hộ

sản xuất trong nước ngày càng gia tăng, nhất là ở thị trường EU (như: Luật thẩm định chuỗi cung ứng (có hiệu lực từ 01/01/2023), chính sách liên quan đến thuế carbon cho hàng hoá nhập khẩu vào EU (hiệu lực từ tháng 10/2023)...). Ngoài ra, theo quy định EU 2023/1110, kể từ ngày 27/6/2023, các sản phẩm từ gạo của Việt Nam được gỡ bỏ khỏi danh mục kiểm soát khẩn cấp khi xuất khẩu vào thị trường châu Âu, tuy nhiên EU sẽ tăng cường kiểm soát trong 6 tháng cuối năm, nếu có nhiều vụ vi phạm quy định về an toàn thực phẩm thì EU sẽ tăng giám sát lên mức 50%. Do vậy, ngay từ quý II khách hàng của Safoco ở thị trường EU đã giảm đơn hàng, để tìm hiểu rõ hơn những quy định trên, ngại rủi ro khi nhập khẩu bị hải quan giữ hàng.

- Thêm vào đó, tỷ giá giữa đồng nội tệ của một số nước châu Á so với đồng USD liên tục biến động (như: đồng Yên của Nhật Bản, Bath của Thái Lan, Nhân dân tệ của Trung Quốc), các khách hàng nhập khẩu sản phẩm Safoco bằng đồng USD cân đối giữa mua và bán ra, bị lỗ quá lớn, nên không có nhu cầu đặt hàng, mặc dù Công ty đã chủ động đưa ra các giải pháp hỗ trợ, giảm giá linh hoạt nhưng sản lượng xuất khẩu ở thị trường này vẫn giảm so với cùng kỳ 2022.

- Theo Quyết định 05/2023/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 quy định về hệ số điều chỉnh giá đất từng khu vực, đơn giá thuê đất năm 2023 của mặt bằng 1079 Phạm Văn Đồng, 1614 Võ Văn Kiệt và 49/1 Hòa Bình tăng từ 40 – 65%, tiền thuê đất của ba mặt bằng trên tăng từ 7,1 tỷ lên 11,3 tỷ đồng.

Bên cạnh những khó khăn, Công ty cũng có những thuận lợi sau:

- Công ty được sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Công đoàn, Văn phòng và các Ban nghiệp vụ Tổng Công ty Lương thực miền Nam – CTCP. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Safoco có tầm nhìn, hoạch định chiến lược đúng hướng, Ban điều hành có bản lĩnh, năng động, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đã có những quyết sách kịp thời, chính xác, phù hợp với tình hình thực tế và quan trọng nhất là phát huy được tinh thần đoàn kết, sự ủng hộ, đồng lòng của tập thể người lao động trong Công ty, biến thách thức, khó khăn thành cơ hội thực hiện hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

- Hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 giao về điều chỉnh ngành nghề kinh doanh và hoàn tất đăng ký tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Safoco là 50% (theo công văn số 4256/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

- Công ty thực hiện xong việc thiết kế, nâng cấp website safocofood.com, đổi mới giao diện đẹp mắt, hình ảnh sản phẩm sống động, cung cấp đầy đủ thông tin, hoạt động sản xuất kinh doanh qua từng thời kỳ, công khai minh bạch báo cáo tài chính, để cổ đông yên tâm đầu tư, qua đó quảng bá, nâng cao uy tín thương hiệu Safoco đến khách hàng trong và ngoài nước.

- Thực hiện theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 về việc giảm tiền thuê đất năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, Công ty Safoco được giảm tiền thuê đất phải nộp năm 2022 hơn 1,23 tỷ đồng.

- Công ty đã áp dụng công nghệ số vào hoạt động quản trị, vận hành nội bộ, sử dụng phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, khai báo thuế, bảo hiểm xã hội, báo cáo lao động trực tuyến, trang bị và sử dụng chữ ký số, nâng cao hiệu quả quản lý, kinh doanh, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

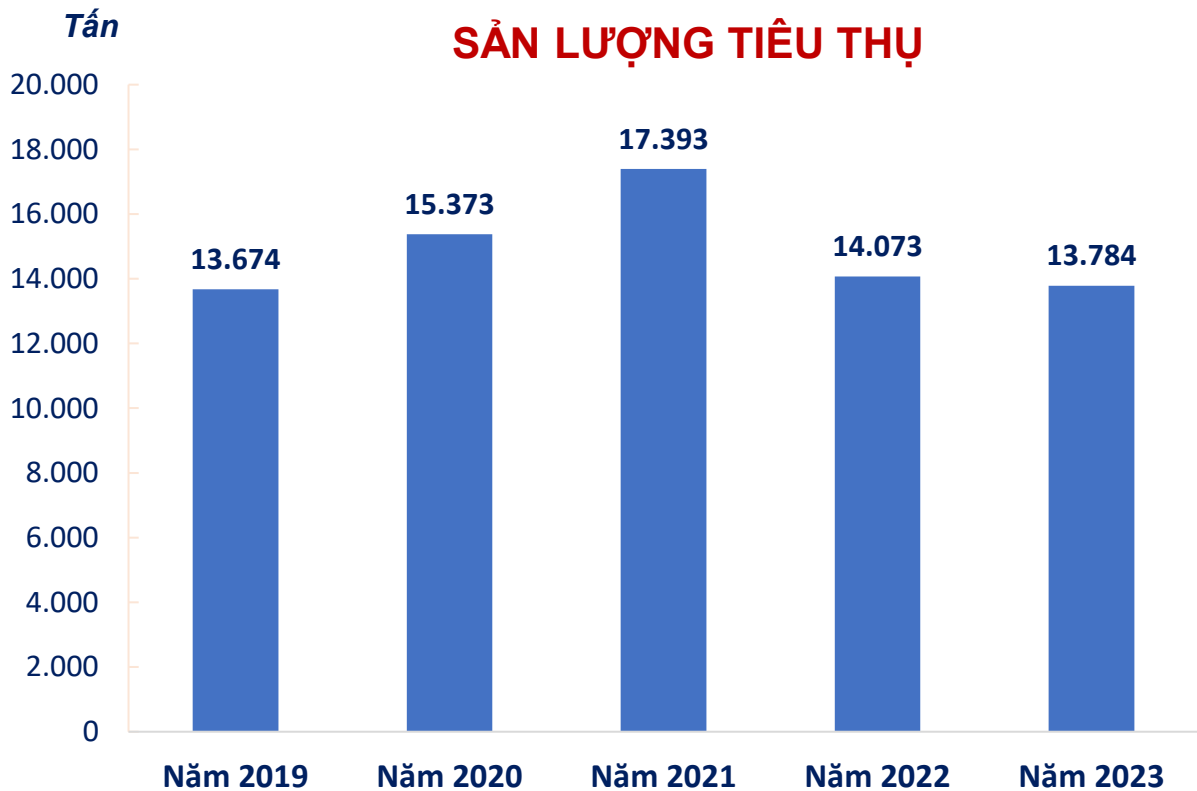
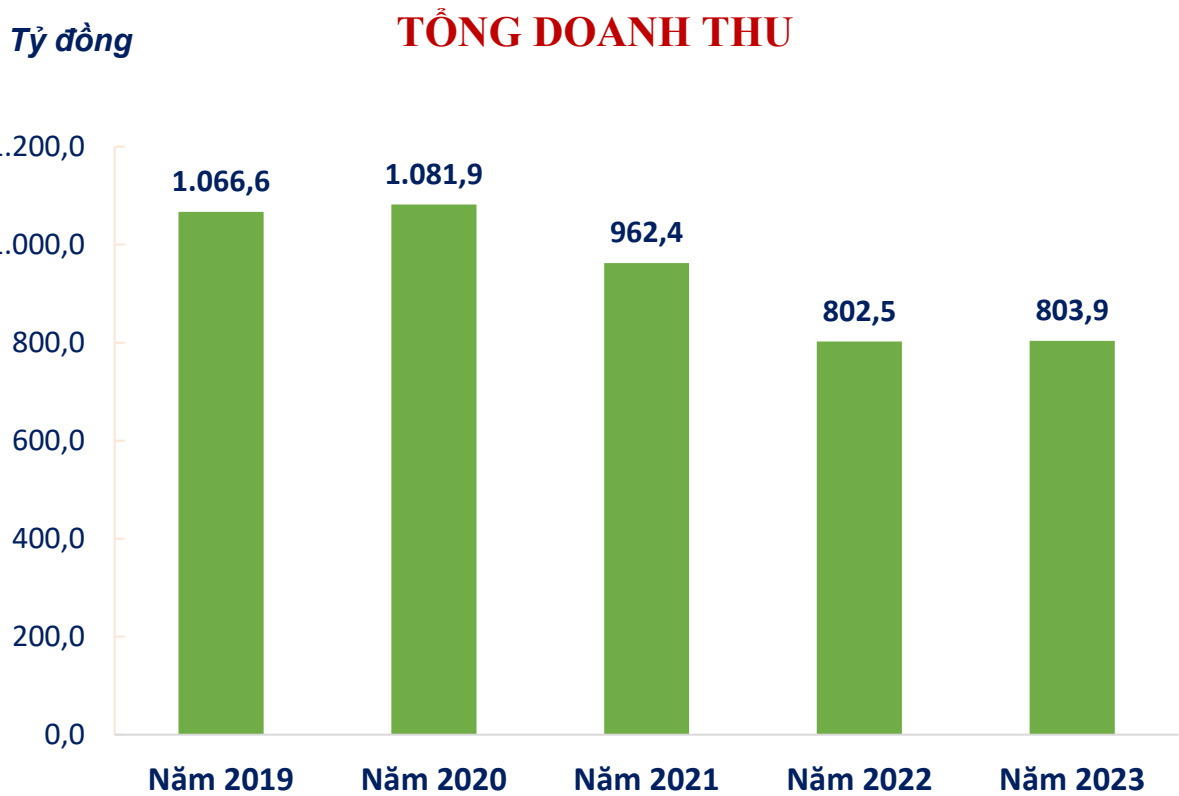
Năm 2023 thật sự rất khó khăn, thời tiết diễn biến phức tạp, thị trường tiêu thụ trầm lắng, chi phí sản xuất tăng cao, tỷ giá liên tục biến động, đơn hàng xuất khẩu sụt giảm, các đối thủ cạnh tranh khốc liệt... Trước tình hình khó khăn đó, Ban Tổng Giám đốc, lãnh đạo các phòng kinh doanh nội địa, phòng xuất nhập khẩu đã trực tiếp đi thị trường, làm việc với đại lý của các tỉnh trong nước và khách hàng xuất khẩu (như: Thái Lan, Singapore, Philippine, Nhật, Hàn Quốc...). Ngoài ra, còn tham gia cùng với Đoàn giao dịch xúc tiến thương mại do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Cục xúc tiến thương mại tổ chức, sang các nước Anh, Indo, Iran, Hàn Quốc, Trung Quốc... để tìm hiểu, mở rộng thị trường, tìm kiếm đơn hàng, tùy cơ ứng biến, có chương trình khuyến mãi cho tất cả các hệ thống đại lý, siêu thị kịp thời để gia tăng sản lượng, với mục tiêu đặt ra là phải giữ được thị trường, duy trì sản xuất để người lao động có việc làm, cho dù lợi nhuận có đạt thấp.

Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng phát triển bền vững thương hiệu Safoco, ngày càng uy tín, lan tỏa mạnh mẽ ở thị trường trong nước và quốc tế. Năm 2023, thương hiệu Safoco vinh dự được bình chọn: Top 10 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam; Top 10 Thương hiệu mạnh ASEAN; Top 10 Thương hiệu xuất sắc Châu Á; Top 10 Thương hiệu mạnh Quốc gia; Top 10 Thương hiệu tiêu biểu Châu Á – Thái Bình Dương; Thương hiệu xuất sắc toàn cầu.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

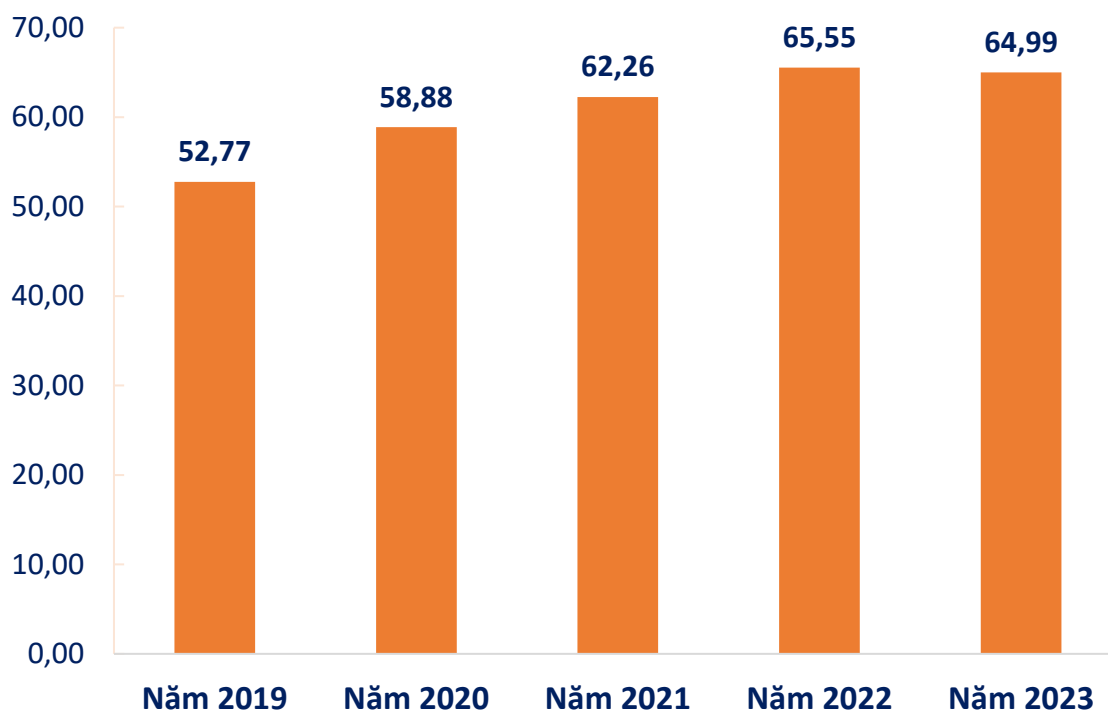
Số tt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (%) thực hiện năm 2023 so với	
						KH năm 2023	Cùng kỳ năm 2022
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	820.000	803.921	802.538	98,04	100,17
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	16.000	14.389	14.882	89,93	96,69
3	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	15.000	13.784	14.073	91,89	97,95
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	66.000	64.988	65.550	98,47	99,14
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	28.500	31.629	26.225	110,98	120,61

1.2. Tình hình thực hiện so với cùng kỳ



Tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1- Bà Phạm Thị Thu Hồng - Tổng Giám đốc

- Ngày, tháng, năm sinh : 04/7/1957
- Nơi sinh : Hải Hưng
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Chứng chỉ CFO
- Địa chỉ thường trú : 173 Nguyễn Kim, phường 7, Quận 10, Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu : 1.697.262 cổ phần.

2- Ông Nguyễn Tri Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày, tháng, năm sinh : 14/4/1972
- Nơi sinh : Nghệ An
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Địa chỉ thường trú : 74/26 đường số 9, P.16, Q.Gò Vấp, Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần.

3 - Ông Nguyễn Công Minh Khoa - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày, tháng, năm sinh : 02/10/1978
- Nơi sinh : Đồng Tháp
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ thường trú : 48/17A Hồ Biểu Chánh, P.11, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu : 42.789 cổ phần.

3 - Ông Trần Hoàng Thao - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày, tháng, năm sinh : 11/09/1961
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Địa chỉ thường trú : 286 Tô Ngọc Vân, Linh Đông, Tp.Thủ Đức Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu : 9.341 cổ phần.

4 - Bà Nguyễn Thị Nga - Kế toán trưởng

- Ngày, tháng, năm sinh : 21/4/1959
- Nơi sinh : Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngành Kế toán công nghiệp
- Địa chỉ thường trú : 57/2 Nguyễn Thông, P. 9, Quận 3, Tp.HCM
- Số cổ phần sở hữu : 202 cổ phần.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách đối với người lao động

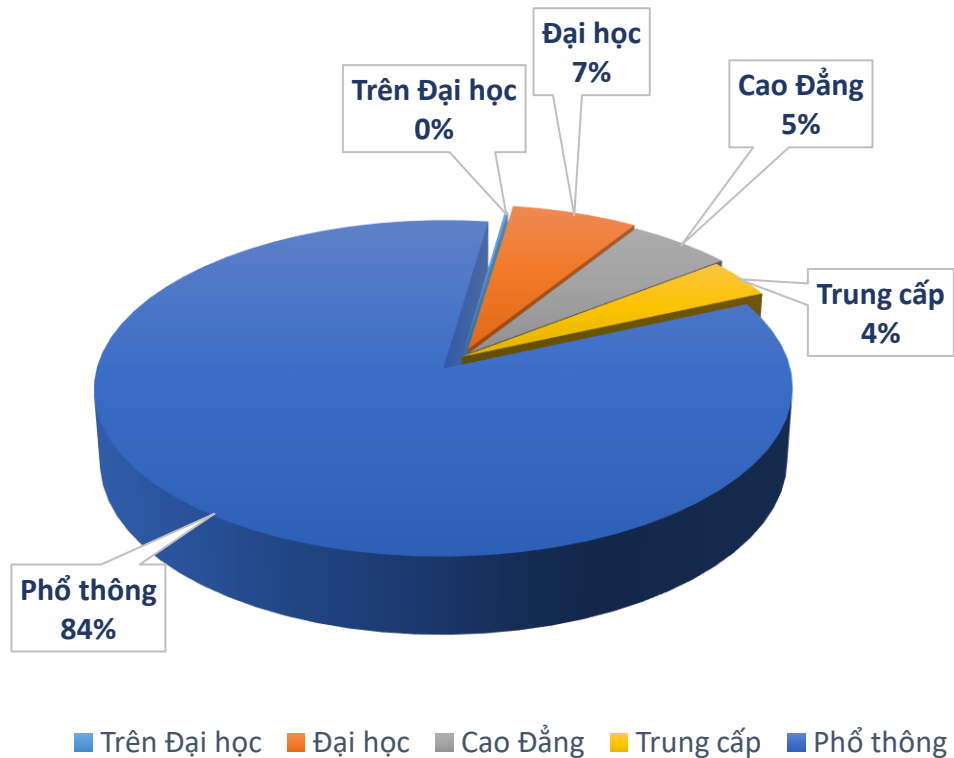
a) Số lượng CB.CNV:

Tổng số CB.CNV tại thời điểm 31/12/2023 là 633 lao động. Trong đó:

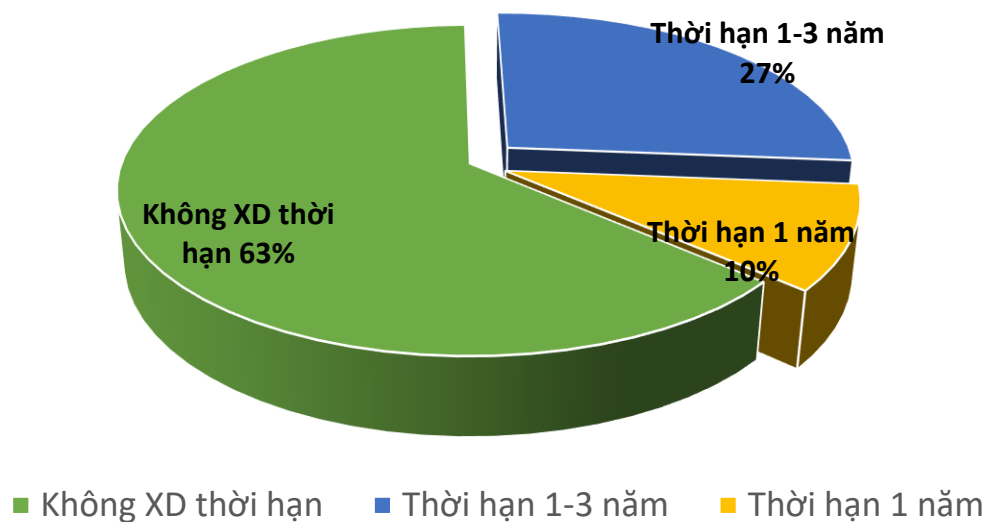
Phân loại theo trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
- Trên Đại học	01	0,16
- Đại học	42	6,64
- Cao Đẳng	35	5,53
- Trung cấp	24	3,79
- Cấp 1,2,3	531	83,89

Phân loại theo Hợp đồng lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
- HĐLĐ không xác định thời hạn	401	63,35
- HĐLĐ xác định thời hạn 1 – 3 năm	168	26,54
- HĐLĐ xác định thời hạn 1 năm	64	10,11

TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG



HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



b) Chính sách đối với người lao động

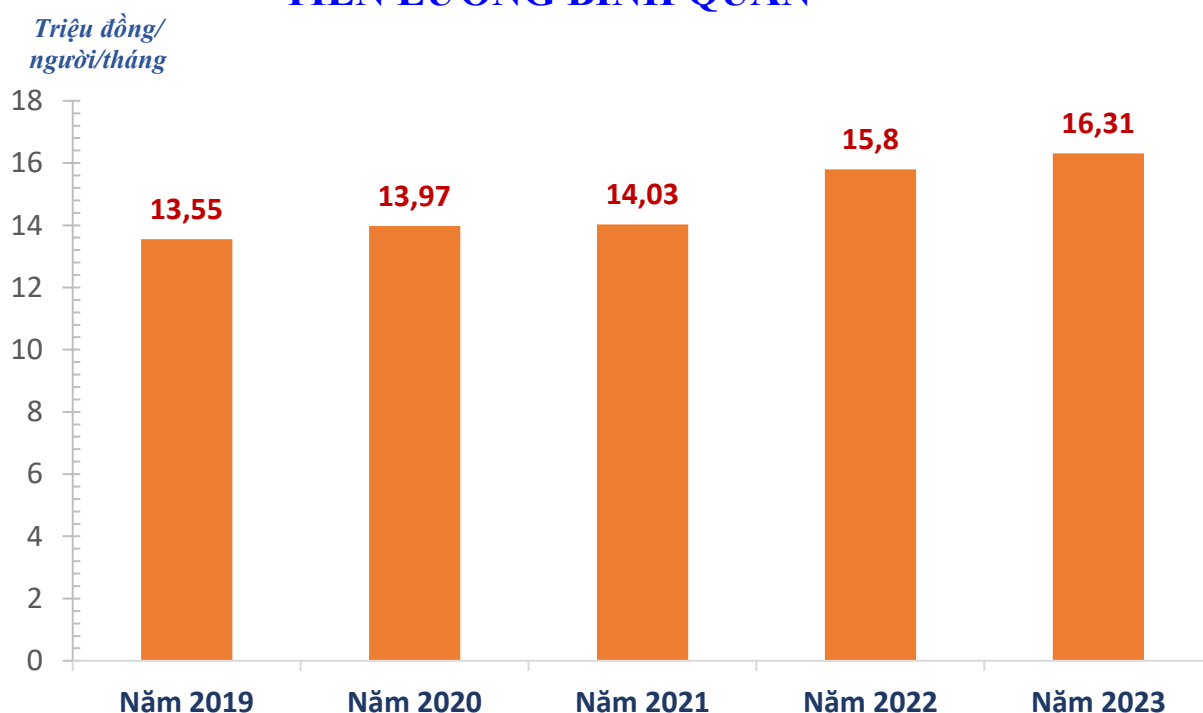
✓ Luôn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật lao động về thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, đóng bảo hiểm bắt buộc đầy đủ, giải quyết chế độ ốm đau, thai sản kịp thời.

✓ Thanh toán tiền lương tháng, tiền lương bổ sung đầy đủ, chính xác, phù hợp với ngày công và vị trí công việc đảm nhận. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện nhiều chính sách phúc lợi đối với người lao động như: hỗ trợ tiền đi nghỉ mát, chi tiền ngày Tết dương lịch, Giỗ tổ Hùng Vương, ngày lễ 30/4 và 1/5, Ngày Quốc khánh 2/9; tặng quà Tết trung thu; tặng quà cho chị em phụ nữ nhân ngày lễ 8/3, 20/10...

✓ Tổ chức bếp ăn tập thể luôn bảo đảm an toàn thực phẩm, sử dụng nguyên liệu rõ nguồn gốc xuất xứ, nhân viên cấp dưỡng được đào tạo an toàn vệ sinh thực phẩm, tuân thủ đúng quy trình chế biến.

✓ Tiền lương bình quân của người lao động năm 2023 là 16,31 triệu đồng/người/tháng, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2022 (15,80 triệu đồng/người/tháng).

TIỀN LƯƠNG BÌNH QUÂN



3. Tình hình đầu tư:

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Trong năm, Công ty đã thực hiện hoàn thành 02 hạng mục đầu tư mua sắm và 01 hạng mục dở dang với tổng giá trị 1.973 triệu đồng, cụ thể:

- Hoàn thành 02 hạng mục mua sắm, tổng giá trị : 1.432 triệu đồng;

- Thực hiện dở dang 01 hạng mục, giá trị tạm ứng : 541 triệu đồng.

Các hạng mục đầu tư đều hoàn thành đúng tiến độ, có hiệu quả và tiết kiệm chi phí, tài sản sau khi đầu tư kịp thời đưa vào sản xuất đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị được thiết kế hợp lý, thi công đạt tiêu chuẩn, góp phần tiết kiệm, tránh hao phí, tổn thất trong quá trình sản xuất.

Ngoài ra công tác sửa chữa bảo dưỡng, duy tu thường xuyên là một trong những thế mạnh, góp phần mang lại cho công ty những thành công, ổn định sản xuất và hiệu quả trong thời gian qua.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng (+) /Giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	274.954	257.956	(16.998)
2	Doanh thu thuần	792.694	792.804	110
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	64.187	63.309	(878)
4	Lợi nhuận khác	1.362	1.680	318
5	Lợi nhuận trước thuế	65.550	64.988	(562)
6	Lợi nhuận sau thuế	51.703	51.209	(494)
7	Tỷ lệ (%) lợi nhuận trả cổ tức	34	30 (*)	(4)
	Trong đó:			
	<i>Tiền mặt</i>	34	30	(4)

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2022 và năm 2023 đã kiểm toán; (*) : cổ tức dự kiến.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Số tt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1	Khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,46	2,86
	- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,79	1,75
2	Cơ cấu vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	35,95	31,40
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	56,12	45,78
3	Năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	Vòng	12,24	8,33
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,28	3,07
4	Khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh số thuần	%	6,52	6,46
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	29,36	28,94
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	18,80	19,85
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	8,10	7,99

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 12.046.590 cổ phần;
- Loại cổ phần đang lưu hành : 12.046.590 cổ phần phổ thông;
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng : 12.046.590 cổ phần;
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Tổng cộng	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng Vốn điều lệ	364	120.465.900.000	100,00
1. Theo tỷ lệ sở hữu			
- Cổ đông lớn (sở hữu trên 5%)	3	98.822.050.000	82,03
- Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%)	361	21.643.850.000	17,97
2. Theo loại hình sở hữu			
- Cổ đông tổ chức	17	83.770.680.000	69,54
- Cổ đông cá nhân	347	36.695.220.000	30,46
3. Theo trong và ngoài nước			
- Cổ đông trong nước	315	116.197.620.000	96,46
- Cổ đông nước ngoài	49	4.268.280.000	3,54
4. Theo nhà nước và tư nhân			
- Cổ đông nhà nước	0	0	0
- Cổ đông khác	364	120.465.900.000	100,00

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 95/2024-SAF/VSDC-ĐK ngày 26/01/2024 do VSDC lập)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm tăng	Hình thức tăng vốn	Số vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng
2005			22.000.000.000
2006	Phát hành thêm cổ phiếu	5.060.000.000	27.060.000.000
2010	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	3.246.720.000	30.306.720.000

Năm tăng	Hình thức tăng vốn	Số vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng
2011	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	15.151.050.000	45.457.770.000
2014	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	13.634.850.000	59.092.620.000
2016	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	20.088.920.000	79.181.540.000
2020	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	21.376.350.000	100.557.890.000
2022	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	19.908.010.000	120.465.900.000

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm trong năm 2023:

- Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng : 25.821 tấn
- Sản phẩm đóng gói : 14.389 tấn

Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế đưa vào sử dụng để sản xuất sản phẩm là 0%.

Công ty sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu thông qua các hoạt động như: kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý trong quá trình sản xuất và có các giải pháp tái sử dụng nguyên liệu dư thừa, không sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- Điện : 4.491.155 kwh.
- Than : 10.616 tấn.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước:

- ✓ Nguồn nước thủy cục: lượng nước sử dụng là 21.155 m³, được sử dụng cho mục đích đưa trực tiếp vào sản xuất sản phẩm và nấu ăn.
- ✓ Nguồn nước ngầm khai thác từ tầng sâu (đã qua xử lý, đảm bảo các chỉ tiêu phù hợp với yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn nước cấp cho sản xuất và sinh hoạt của Bộ Y tế): lượng nước sử dụng là 45.782 m³, được dùng để: vận hành lò hơi, vệ sinh máy móc, thiết bị, vệ sinh nhà xưởng, tưới cây...
- ✓ Lượng nước sử dụng trung bình là 4,67 m³/tấn sản phẩm

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái sử dụng:

Để thực hiện chính sách tiết kiệm nước, công ty tiếp tục áp dụng các biện pháp đã mang lại hiệu quả, làm giảm mức tiêu thụ nước như: tăng lượng tuần hoàn, tái sử dụng, cải tạo quy trình công nghệ để giảm tiêu thụ nước, đồng thời nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm trong toàn Công ty.

Do đó trong năm qua tỉ lệ lượng nước tái sử dụng tại công ty đạt 18,44% tổng lượng nước sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Ngày 06/12/2023 Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 1385/GPMT-STNMT-CCBVMT.

Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty luôn nhận thức rằng hoạt động sản xuất chế biến của Công ty sẽ có những tác động đến môi trường xung quanh. Do vậy, Công ty đã:

- ✓ Tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường của nhà nước.
- ✓ Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường: áp dụng công nghệ mới, đầu tư thiết bị và cơ sở hạ tầng, tối ưu hóa quy trình sản xuất, lựa chọn nguyên liệu thân thiện môi trường, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, thu gom các chất độc hại trước khi thải ra môi trường...

- ✓ Sử dụng tiết kiệm điện, nước, giảm lượng năng lượng hao phí trong quá trình sử dụng.
- ✓ Nâng cao nhận thức NLD về ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng, nước hợp lý, tiết kiệm, phân loại rác thải trước khi thải ra môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- ✓ Số lượng CB.CNV tại thời điểm 31/12/2023 là 633 người.
- ✓ Tiền lương bình quân của người lao động năm 2023 là 16,31 triệu đồng/người/tháng, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2022 (15,80 triệu đồng/người/tháng). Công ty trả lương phù hợp với từng vị trí chức danh, hiệu quả công việc và kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- ✓ Công ty thực hiện tốt công tác ký kết hợp đồng lao động, đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, thanh toán tiền lương tháng, tiền lương thưởng đầy đủ, kịp thời theo quy định Công ty và thỏa ước lao động tập thể.
- ✓ Thực hiện nhiều chính sách phúc lợi đối với người lao động như: chi tiền ngày Tết Dương lịch, hỗ trợ tiền đi nghỉ mát, Giỗ tổ Hùng Vương; ngày lễ 30/4 và 1/5; Quốc khánh 2/9, tặng quà Tết Trung thu cho toàn thể CB.CNV, quà cho chị em phụ nữ nhân ngày 8/3, 20/10.
- ✓ Ngày 23/9/2023, Công ty đã tổ chức Khám sức khỏe định kỳ năm 2023 cho 633 người lao động. Ngoài những nội dung khám sức khỏe tổng quát theo thông tư tại 14/2013/TT-BYT, Công ty đã bổ sung thêm các hạng mục khám cho người lao động như: Tầm soát chức năng gan (GOT, GPT); Chức năng men gan (GGT); Tầm soát thương hàn (widal), viêm gan A, viêm gan E theo yêu cầu bắt buộc của KFDA Hàn Quốc.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Tổ chức cho người lao động tham gia các khóa đào tạo định kỳ và ngắn hạn để cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cụ thể:

- ✓ Tổ chức huấn luyện An toàn lao động, Vệ sinh lao động; Huấn luyện An toàn vệ sinh thực phẩm; Tập huấn an toàn Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn
- ✓ Tập huấn về những điểm mới của Hợp đồng lao động, định mức lao động, tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN. Định hướng áp dụng Bộ luật lao động vào Doanh nghiệp năm 2023.
- ✓ Tập huấn về Phòng tránh rủi ro khi thanh tra, kiểm tra về C/O – Các quy định về xuất xứ hàng hóa áp dụng năm 2023.
- ✓ Tập huấn về Thuế thu nhập cá nhân & làm thế nào để tối ưu hóa chi phí thuế năm 2023.
- ✓ Cập nhật và nâng cao kiến thức về đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp.
- ✓ Tập huấn “Kỹ năng soạn thảo văn bản – Công tác quản lý, lưu trữ văn thư trong doanh nghiệp”.
- ✓ Tập huấn “Cập nhật các quy định mới nhất về An toàn Vệ sinh lao động”.
- ✓ Tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho người sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn TPHCM.
- ✓ Tập huấn “Hướng dẫn quyết toán thuế năm 2023”.
- ✓ Tập huấn cập nhật kiến thức và văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.
- ✓ Tập huấn cập nhật thủ tục công bố và tự công bố chất lượng sản phẩm.
- ✓ Cập nhật kiến thức về yêu cầu an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật khi xuất khẩu nông sản, thực phẩm vào Trung Quốc.
- ✓ Cập nhật các yêu cầu và điều kiện tiếp cận thị trường Úc và Niu Di-Lân.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty xác định phát triển kinh doanh phải luôn gắn kết trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội và trách nhiệm này chính là văn hóa của Công ty. Do đó, phong trào đền ơn đáp nghĩa, hoạt động xã hội từ thiện luôn duy trì hàng năm và được Cổ đông, toàn thể CB.CNV hưởng ứng tham gia.

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện công tác từ thiện xã hội như sau:

- ✓ Hỗ trợ 2.355 phần quà cho các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn của Phường Linh Tây, Tp.Thủ Đức, P.7 quận 6, P.6, P.7 quận 10, nhân ngày thương binh liệt sĩ; cán bộ hưu trí của Tổng Công ty Lương thực miền Nam – CTCP;

- ✓ Hỗ trợ 855 phần quà cho đại biểu tham dự Đại hội Công đoàn Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Đại hội Công đoàn Ngành Nông nghiệp và PTNT; Hội nghị sơ kết Tổng Công ty.
- ✓ Hỗ trợ 500 phần quà tết cho cán bộ, công chức có hoàn cảnh khó khăn của Ủy ban nhân dân Tp.HCM và Sở Công thương Tp.HCM.
- ✓ Hỗ trợ 4.155 kg sản phẩm Safoco ủng hộ Quỹ Vì biển đảo Việt Nam; Hội bảo trợ người khuyết tật, trẻ em mồ côi và người già neo đơn.
- ✓ Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới của huyện Củ Chi, Tp.HCM, xây dựng nhà tình nghĩa cho hộ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn của Huyện Chợ Lách, Bến Tre với tổng số tiền 74 triệu đồng; Ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” TP. Hồ Chí Minh với số tiền hơn 268 triệu đồng.

Tổng số tiền thực hiện công tác từ thiện xã hội trong năm 2023 là 1.782 triệu đồng (trong đó: từ nguồn quỹ cổ đông là 700 triệu đồng, chi phí Công ty là 1.082 triệu đồng).

6.7. Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Hiện tại, Công ty rất quan tâm theo dõi và đang tìm hiểu các thông tin liên quan đến thị trường vốn xanh. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, cải tiến quy trình sản xuất gắn liền với yếu tố môi trường với mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Khó khăn

- Thời tiết diễn biến bất thường, 6 tháng đầu năm, do tác động của EL Nino nên ở khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ liên tục có các đợt nắng nóng gay gắt (nhiệt độ có nơi lên tới trên 40°C), người dân hạn chế ra đường, chủ yếu sử dụng các thực phẩm giải nhiệt, nhu cầu tiêu thụ các thực phẩm khác giảm mạnh. 6 tháng cuối năm, mưa bão, lũ quét, sạt lở đất xảy ra ở các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Nam Bộ, vì vậy sản lượng tiêu thụ của đại lý ở khu vực này giảm do đặc thù sản phẩm Safoco phải qua nấu sơ chế.

- Ngay từ cuối quý IV/2022, các doanh nghiệp trong nước gặp rất nhiều khó khăn do không có đơn hàng sản xuất, chi phí nguyên liệu tăng cao, buộc phải giảm lao động, giảm giờ làm, để duy trì hoạt động. Chỉ tính đến tháng 09/2023, cả nước có hơn 1,07 triệu lao động thất nghiệp (tập trung nhiều nhất là ở Bình Dương, Tp.HCM), thu nhập giảm, đời sống người dân rất khó khăn, buộc phải thắt chặt chi tiêu, chỉ tập trung mua sắm các mặt hàng tiêu dùng thật sự cần thiết. Hoạt động kinh doanh mua bán ở các chợ

truyền thống rất ế ẩm, nhiều tiêu thương phải đóng cửa, sang sạp, tại các siêu thị cao cấp, trung tâm thương mại, thậm chí vào ngày cuối tuần vẫn vắng khách, hàng hóa bán ra rất chậm. Do vậy, cạnh tranh trên thị trường rất gay gắt, để có doanh thu các đối thủ liên tục tung các chương trình khuyến mãi sốc (mua 1 tặng 1, giảm giá 50% khi mua sản phẩm thứ 2, tăng mức chiết khấu lên từ 20-35%...) nhằm giải phóng hàng tồn kho.

- Mặt khác, ngay đầu năm, các nhà cung cấp nguyên, nhiên, phụ liệu liên tục tăng giá từ 15 – 30% (cụ thể: gạo tăng 21%, bột gạo khô tăng 18%, tinh bột sắn tăng 25%, xăng tăng 11%, điện tăng 7,5%), giá nguyên liệu tăng cao nhưng Công ty không thể tăng giá bán mà còn phải tăng cường khuyến mãi, tăng mức chiết khấu lên từ 20-30% để thúc đẩy lượng tiêu thụ, giữ thị phần, chi phí tăng cao dẫn đến lợi nhuận đạt thấp.

- Hoạt động xuất khẩu cũng gặp rất nhiều khó khăn, do ảnh hưởng nhu cầu tiêu dùng trên thế giới sụt giảm, bên cạnh đó, các quy định, rào kỹ thuật thương mại nhằm bảo hộ sản xuất trong nước ngày càng gia tăng, nhất là ở thị trường EU (như: Luật thẩm định chuỗi cung ứng (có hiệu lực từ 01/01/2023), chính sách liên quan đến thuế carbon cho hàng hoá nhập khẩu vào EU (hiệu lực từ tháng 10/2023)...). Ngoài ra, theo quy định EU 2023/1110, kể từ ngày 27/6/2023, các sản phẩm từ gạo của Việt Nam được gỡ bỏ khỏi danh mục kiểm soát khẩn cấp khi xuất khẩu vào thị trường châu Âu, tuy nhiên EU sẽ tăng cường kiểm soát trong 6 tháng cuối năm, nếu có nhiều vụ vi phạm quy định về an toàn thực phẩm thì EU sẽ tăng giám sát lên mức 50%. Do vậy, ngay từ quý II khách hàng của Safoco ở thị trường EU đã giảm đơn hàng, để tìm hiểu rõ hơn những quy định trên, ngại rủi ro khi nhập khẩu bị hải quan giữ hàng.

- Thêm vào đó, tỷ giá giữa đồng nội tệ của một số nước châu Á so với đồng USD liên tục biến động (như: đồng Yên của Nhật Bản, Bath của Thái Lan, Nhân dân tệ của Trung Quốc), các khách hàng nhập khẩu sản phẩm Safoco bằng đồng USD cân đối giữa mua và bán ra, bị lỗ quá lớn, nên không có nhu cầu đặt hàng, mặc dù Công ty đã chủ động đưa ra các giải pháp hỗ trợ, giảm giá linh hoạt nhưng sản lượng xuất khẩu ở thị trường này vẫn giảm so với cùng kỳ 2022.

- Theo Quyết định 05/2023/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 quy định về hệ số điều chỉnh giá đất từng khu vực, đơn giá thuê đất năm 2023 của mặt bằng 1079 Phạm Văn Đồng, 1614 Võ Văn Kiệt và 49/1 Hòa Bình tăng từ 40 – 65%, tiền thuê đất của ba mặt bằng trên tăng từ 7,1 tỷ lên 11,3 tỷ đồng.

1.2. Thuận lợi

- Công ty được sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Công đoàn, Văn phòng và các Ban nghiệp vụ Tổng Công ty Lương thực miền Nam – CTCP. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Safoco có tầm nhìn, hoạch định chiến lược đúng hướng, Ban điều hành có bản lĩnh, năng động, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đã có những quyết sách kịp thời, chính xác, phù

hợp với tình hình thực tế và quan trọng nhất là phát huy được tinh thần đoàn kết, sự ủng hộ, đồng lòng của tập thể người lao động trong Công ty, biến thách thức, khó khăn thành cơ hội thực hiện hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

- Hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 giao về điều chỉnh ngành nghề kinh doanh và hoàn tất đăng ký tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Safoco là 50% (theo công văn số 4256/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

- Công ty thực hiện xong việc thiết kế, nâng cấp website safocofood.com, đổi mới giao diện đẹp mắt, hình ảnh sản phẩm sống động, cung cấp đầy đủ thông tin, hoạt động sản xuất kinh doanh qua từng thời kỳ, công khai minh bạch báo cáo tài chính, để cổ đông yên tâm đầu tư, qua đó quảng bá, nâng cao uy tín thương hiệu Safoco đến khách hàng trong và ngoài nước.

- Thực hiện theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 về việc giảm tiền thuê đất năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, Công ty Safoco được giảm tiền thuê đất phải nộp năm 2022 hơn 1,23 tỷ đồng.

- Công ty đã áp dụng công nghệ số vào hoạt động quản trị, vận hành nội bộ, sử dụng phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, khai báo thuế, bảo hiểm xã hội, báo cáo lao động trực tuyến, trang bị và sử dụng chữ ký số, nâng cao hiệu quả quản lý, kinh doanh, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Nhìn chung, tình hình tài chính Safoco trong năm 2023 lành mạnh, an toàn, khả năng thanh toán cao, nguồn vốn được sử dụng hiệu quả hơn.

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/ Giảm
1- Tài sản ngắn hạn	242.888	231.673	(11.215)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	61.843	55.316	(6.527)
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	63.502	46.502	(17.000)
- Các khoản phải thu ngắn hạn	46.536	32.200	(14.336)
- Hàng tồn kho	65.672	90.109	24.437
- Tài sản ngắn hạn khác	5.335	7.546	2.211
2- Tài sản dài hạn	32.066	26.283	(5.783)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/ Giảm
- Các khoản phải thu dài hạn	39	48	9
- Tài sản cố định hữu hình	12.187	6.482	(5.705)
- Tài sản cố định vô hình	19.814	19.739	(75)
- Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
- Tài sản dài hạn khác	26	14	(12)
CỘNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	274.954	257.956	(16.998)
1- Nợ phải trả	98.841	81.006	(17.835)
- Nợ ngắn hạn	98.841	81.006	(17.835)
- Nợ dài hạn	-	-	-
2- Vốn chủ sở hữu	176.113	176.950	837
CỘNG NGUỒN VỐN	274.954	257.956	(16.998)

2.2. Tình hình nợ phải trả: Không có.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- ✓ Công ty hiện đang áp dụng, kết hợp có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018, HACCP và FSP (Food Safety Plan).
- ✓ Chất lượng sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của Bộ y tế và các tiêu chuẩn, quy chuẩn của các nước nhập khẩu, đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn tốt nhất trước khi đưa ra thị trường phân phối đến tay người tiêu dùng.
- ✓ Công tác nghiên cứu, cải tiến chất lượng sản phẩm và xử lý sản phẩm không phù hợp (nếu có) đã mang lại hiệu quả rõ rệt, giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm mức độ xử lý sản phẩm không phù hợp.
- ✓ Kiểm soát tốt việc sử dụng điện - nước, nguyên phụ liệu - vật tư - nhiên liệu không để phát sinh vượt định mức; Quản lý an toàn thiết bị, an toàn lao động trong quá trình vận hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- ✓ Công ty tiếp tục đầu tư thêm máy móc thiết bị mới, cải tạo nhà xưởng, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm nhằm tạo sự khác biệt về sản phẩm và đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất.
- ✓ Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, đảm bảo thực hiện đúng quy định ATVSTP cho tất cả các sản phẩm Safoco, tuân thủ đúng theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng ISO và HACCP.
- ✓ Xây dựng các chương trình bán hàng thích hợp, tăng cường tham gia các hội chợ thương mại quốc tế để kiếm thêm khách hàng mới tăng thị phần tiêu thụ trên thị trường nội địa và xuất khẩu.
- ✓ Thực hiện triệt để công tác tiết kiệm, giảm chi phí, giảm giá thành tạo sức cạnh tranh nhằm mang lại hiệu quả cao cho Công ty.
- ✓ Lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo công nhân nhằm tăng năng suất lao động, thực hiện chế độ lương thưởng hợp lý, tạo điều kiện tốt nhất để người lao động phát huy năng lực, sáng kiến cải tiến đóng góp vào sự phát triển bền vững của công ty.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Thực hiện tốt những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo nguyên tắc của Công ty là sản xuất hài hòa với môi trường và xã hội, cụ thể:

- ✓ Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý (nước thải, khí thải) đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường, vận dụng nhiều biện pháp để thu gom phân loại và xử lý đối với chất thải rắn (thông thường và nguy hại).
- ✓ Xây dựng ý thức tiết kiệm điện - nước khi sử dụng cho Người lao động bằng phương pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động. Song song xây dựng môi trường làm việc thông thoáng, xanh - sạch - đẹp và không khói thuốc.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công tác an toàn vệ sinh lao động luôn được Công ty quan tâm bằng những việc làm cụ thể như:

- ✓ Đào tạo về công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động;
- ✓ Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;
- ✓ Trang bị đầy đủ thuốc men, dụng cụ y tế, tổ chức tập huấn sơ cấp cứu;

- ✓ Thực hiện đo kiểm môi trường lao động;
- ✓ Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân theo từng tổ, bộ phận, vị trí, chức danh công việc cho người lao động.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn cam kết **“Đặt lợi ích sức khỏe của người tiêu dùng lên trên hết”** nên việc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm luôn được đặt hàng đầu, tuyệt đối tuân thủ theo quy trình như sau:

- ✓ Kiểm soát từ nguồn nguyên phụ liệu đưa vào sản xuất đến bao bì đóng gói. Thực hiện công tác quản lý và kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO và HACCP).
- ✓ Cung cấp thông tin đầy đủ về thành phần, cách sử dụng và thời gian bảo quản để người tiêu dùng hiểu và dễ chọn lựa.
- ✓ Thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” và “Lá lành đùm lá rách”.
- ✓ Hàng năm Công ty, Cổ đông và Người lao động đều tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho hoạt động xã hội từ thiện như: xây dựng nhà tình thương, tặng quà cho các gia đình chính sách neo đơn, các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2023, mặc dù kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, nhưng Ban Điều hành đã có những quyết sách chính xác, kịp thời, năng động, nhạy bén trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cùng với sự đồng lòng ủng hộ của người lao động, dốc sức hoàn thành nhiệm vụ, với kết quả rất đáng ghi nhận và khích lệ như sau: sản lượng tiêu thụ 13.784 tấn, đạt 91,9% kế hoạch, doanh thu 803,9 tỷ đồng, đạt 98,04% kế hoạch; lợi nhuận 65 tỷ đồng, đạt 98,5% kế hoạch; tiền lương bình quân của người lao động đạt 16,31 triệu đồng/người/tháng, chế độ phúc lợi được thực hiện đầy đủ, đúng thỏa ước đã ký, nộp ngân sách nhà nước 31,6 tỷ đồng, vượt 11% kế hoạch, dự kiến chi trả cổ tức 30%/vốn điều lệ, đây là nỗ lực rất lớn của tập thể Công ty Safoco trong giai đoạn hiện nay.

Công tác đầu tư mang lại hiệu quả cao, được HĐQT thống nhất chủ trương kế hoạch, chuyển đổi nhanh các hạng mục đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phù hợp với

tình hình thực tế, gia tăng năng lực sản xuất, phục vụ công tác giao hàng nhanh chóng, kịp thời.

Bộ máy tổ chức ổn định, đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật có trình độ nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, công nhân lành nghề, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, nguồn vốn được bảo toàn, đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, quy chế hoạt động của Công ty được thực hiện tốt. Chủ động, nhạy bén, quyết định nhanh, kịp thời ứng phó với những biến động bất thường của thị trường trong nước và thế giới, điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp, giảm thiểu những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nỗ lực đưa Công ty vượt qua những khó khăn thách thức.

Trong lĩnh vực tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động rà soát, đánh giá việc sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất, các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được triển khai thực hiện đúng kế hoạch.

Ban Tổng Giám đốc luôn chú trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả công việc, xây dựng một môi trường làm việc thân thiện, thoáng mát, an toàn, ưu tiên lợi ích của người lao động và đảm bảo sự phát triển dài hạn của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	820.000
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	15.000
3	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	14.200
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	62.500

3.2. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

- Khai thác, vận hành quản lý hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000: 2018, HACCP và FSP (Food Safety Plan) một cách có hiệu quả, kết hợp với việc đầu tư máy móc, thiết bị,

cải tiến kỹ thuật nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín thương hiệu SAFOCO.

- Nghiên cứu phát triển thêm sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến mẫu mã bao bì để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
- Giữ vững khách hàng truyền thống, tiếp tục khai thác mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Tham gia các hội chợ thương mại lớn ở một số nước để tìm thêm các khách hàng mới và quảng bá thương hiệu Safoco ra thị trường nước ngoài để tăng thêm sản lượng bán ra.
- Phát huy hiệu quả hoạt động của Chi nhánh công ty tại Hà Nội nhằm quảng bá thương hiệu và phát triển mạng lưới tiêu thụ.
- Tăng cường khai thác thêm khách hàng, quay nhanh nguồn vốn, gia tăng doanh số, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh thương nghiệp.
- Tuyển dụng nhân sự đủ về lượng, đạt về chất phù hợp với sự phát triển của công ty, kết hợp với nghiên cứu, thực hiện các chính sách đãi ngộ để giữ hoặc thu hút lao động giỏi. Lựa chọn nhân sự có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt để đưa vào quy hoạch đội ngũ lãnh đạo kế thừa.
- Đào tạo mới, đào tạo chuyên sâu, chuyên nghiệp về chuyên môn, kỹ thuật, quản lý và kỹ năng tay nghề cho người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Danh sách Thành viên HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2023:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Tổng số cổ phần			Tỷ lệ (%) / VDL
			Sở hữu	Đại diện sở hữu	Tổng cộng	
1	Ông Nguyễn Văn Hiễn	Chủ tịch HĐQT	0	2.409.318	2.409.318	20,00
2	Bà Phạm Thị Thu Hồng	Thành viên HĐQT	1.697.262	0	1.697.262	14,09
3	Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Thành viên HĐQT	42.789	1.361.307	1.404.096	11,66

Stt	Họ tên	Chức vụ	Tổng số cổ phần			Tỷ lệ (%) / VDL
			Sở hữu	Đại diện sở hữu	Tổng cộng	
4	Ông Nguyễn Tri Nghĩa	Thành viên HĐQT	0	1.204.659	1.204.659	10,00
5	Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0	0	0

Ghi chú:

Ông Nguyễn Văn Hiến, Ông Nguyễn Công Minh Khoa, Ông Nguyễn Tri Nghĩa là đại diện sở hữu của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần.

1.2. Chức danh TV.HĐQT của Công ty tại các doanh nghiệp khác:

Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân đang là Thành viên HĐQT tại các doanh nghiệp: Tổng Công ty Lương thực miền Nam – CTCP; Công ty Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà; Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu; Tổng Công ty Rau quả, nông sản – Công ty cổ phần.

1.3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ban kiểm toán nội bộ (KTNB) được thành lập theo Nghị quyết số 06/NQ-SAF/HĐQT ngày 09/8/2021 là một bộ phận trực thuộc HĐQT của Công ty. Ban KTNB hoạt động theo Quy chế KTNB do HĐQT ban hành theo Quyết định số 01/QĐ-SAF/HĐQT ngày 10/8/2021 phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành (Luật doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155 hướng dẫn Luật Chứng khoán).

1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các văn bản pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp (trong đó 04 cuộc họp trực tiếp và 02 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) để xem xét, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT, với sự mở rộng tham gia dự họp của các thành viên Ban kiểm soát. Trong năm, HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, đồng thời lắng nghe đóng góp ý kiến của Ban kiểm

soát với Ban Tổng Giám đốc về hoạt động điều hành để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Bên cạnh đó HĐQT cũng đã thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời và kiên quyết các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh thông qua các cuộc họp định kỳ và các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; thường xuyên giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh trong kỳ để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường đúng quy định của pháp luật.
- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc yêu cầu làm rõ/giải trình các nội dung trước khi quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Hội đồng quản trị đã thảo luận, thông qua các nội dung trình trong cuộc họp bằng các nghị quyết để Tổng Giám đốc và Ban điều hành có cơ sở triển khai thực hiện.

1.5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Thành viên HĐQT không điều hành đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, có ý kiến đóng góp cho các vấn đề khi đưa ra thảo luận và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

1.6. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:

Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB) đã thực hiện kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả của công tác quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm giúp Công ty đạt được các mục tiêu đề ra, xem xét, đánh giá báo cáo tài chính định kỳ quý, bán niên và năm của Công ty trước khi Ban điều hành trình Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

Ban KTNB đã đưa ra các báo cáo phân tích, đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính, tính khả thi của các hạng mục đầu tư trong năm 2023, trên cơ sở đó đưa ra các khuyến nghị liên quan đến quản lý rủi ro, quy trình quản trị và được Ban điều hành, các phòng, bộ phận nghiệp vụ tiếp nhận, trao đổi, phối hợp triển khai thực hiện.

Thông nhất với ý kiến kết luận của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) về báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của Công ty, cụ thể:

+ Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật;

+ Trong năm không có sự thay đổi nào về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động đến tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố;

+ Không phát hiện sai sót trọng yếu hoặc bất hợp lý làm sai lệch báo cáo.

Ngoài ra, Ban KTNB còn hỗ trợ công ty trong công tác xúc tiến thương mại để thúc đẩy công tác bán hàng, tham gia đóng góp ý kiến với Ban điều hành trong việc chỉnh sửa, hoàn thiện Catalogue, Website Công ty.

1.7. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Bà Phạm Thị Thu Hồng – Thành viên HĐQT;
- Ông Nguyễn Công Minh Khoa – Thành viên HĐQT.

1.8. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ	Tổng số cổ phần			Tỷ lệ (%)
			Sở hữu	ĐD sở hữu	Tổng cộng	
1	Ông Nguyễn Trương Nguyên	Trưởng BKS	0	0	0	0
2	Ông Nguyễn Vương Quốc	Thành viên BKS	0	1.204.659	1.204.659	10,00
3	Bà Phạm Liên Hương	Thành viên BKS	0	0	0	0

Ghi chú:

Ông Nguyễn Vương Quốc là đại diện sở hữu của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần.

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)

a) Tổ chức các cuộc họp:

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức 06 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để đánh giá kết quả công việc đã thực hiện trong quý/năm, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban Tổng giám đốc; tham gia thảo luận tại các cuộc họp thường kỳ của HĐQT, các cuộc họp, buổi làm việc khác của công ty. BKS đưa ra những phân tích, đánh giá và khuyến nghị trách nhiệm với Công ty.

Ban Tổng Giám đốc cũng tạo điều kiện thuận lợi cho BKS nắm bắt, tìm hiểu thông tin trong hoạt động SXKD và bố trí nhân sự cung cấp các báo cáo, thông tin đầy đủ, rõ ràng để BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Các giải pháp đề xuất nâng cao hiệu quả quản lý, phòng ngừa rủi ro BKS đưa ra được Ban điều hành ghi nhận.

HĐQT, BKS và Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, Cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

b) Công tác giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty nhằm kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ quản lý theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Chế độ hội họp và ban hành các nghị quyết, quyết định thực hiện đầy đủ đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, theo đúng chủ trương của Hội đồng quản trị, luôn trung thực, cẩn trọng, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, công tác quản lý tiền hàng thực hiện tốt, đảm bảo khả năng thanh toán nợ phải trả, mang lại lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và Cổ đông.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ và luôn có sự phối hợp chặt chẽ, độc lập, khách quan trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

c) Phương thức giám sát

Hoạt động giám sát của BKS được thực hiện bằng phương thức: giám sát “trực tiếp – gián tiếp và trước – trong – sau”. Do đặc thù của Safoco nên BKS tập trung việc

giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro về tài chính, hạn chế trong quản lý tài chính của doanh nghiệp và có cảnh báo, giải pháp xử lý trực tiếp với trong việc quản lý và điều hành công ty.

d) Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và cổ đông.

Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ, rõ ràng các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản trị và một số nội dung khác có liên quan phục vụ cho việc kiểm soát của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp thường xuyên/định kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban Tổng Giám đốc điều hành. Qua đó, Ban kiểm soát cũng đóng góp các ý kiến độc lập để đảm bảo các quyết định là tối ưu trong việc duy trì quyền, lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

Ban kiểm soát đã đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành về các biện tăng cường hoạt động, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo Công ty hoạt động tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ... công ty hoạt động ổn định và hoàn thành tốt các chỉ tiêu đã đề ra, chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát.

Ban điều hành đã tạo điều kiện cho BKS thực hiện chức năng kiểm soát trong các lĩnh vực hoạt động của công ty. Các ý kiến của BKS được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc quan tâm thực hiện đầy đủ.

HĐQT, BKS, Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

a) Hội đồng quản trị

Đơn vị tính: VNĐ.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương, thưởng	Ghi chú
1.	Ông Nguyễn Văn Hiến	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	120.000.000		
2.	Bà Phạm Thị Thu Hồng	Thành viên HĐQT	108.000.000		

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương, thưởng	Ghi chú
3.	Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Thành viên HĐQT	108.000.000		
4.	Ông Nguyễn Tri Nghĩa	Thành viên HĐQT	108.000.000		
5.	Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành	108.000.000		

b) Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Đơn vị tính: VND

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Ghi chú
1	Bà Phạm Thị Thu Hồng	Tổng giám đốc	2.643.068.394	
2	Ông Nguyễn Công Minh Khoa	Phó Tổng GD	972.746.450	
3	Ông Trần Hoàng Thao	Phó Tổng GD	763.487.000	
4	Ông Nguyễn Tri Nghĩa	Phó Tổng GD	890.445.550	
5	Bà Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	810.460.440	

c) Ban kiểm soát

Đơn vị tính: VND

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương, thưởng	Ghi chú
1.	Ông Nguyễn Trương Nguyên	Trưởng BKS	Trưởng BKS chuyên trách hưởng lương, không hưởng thù lao	664.713.030	
2.	Ông Nguyễn Vương Quốc	TV.BKS	67.500.000		
3.	Bà Phạm Liên Hương	TV.BKS	67.500.000		
4.	Ông Trần Hoàng Ngân	TV.BKS	22.500.000		Miễn nhiệm từ ngày 07/4/2023

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương, thưởng	Ghi chú
5.	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	TV.BKS	22.500.000		Miễn nhiệm từ ngày 07/4/2023

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	8.202	0,07%	202	0,002%	Bán

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

S T T	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH (CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD)			Địa chỉ trụ sở chính	Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị (Đvt: Triệu đồng)
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp				
1	Công ty Lương thực Bến Tre	Đơn vị trực thuộc TCT LTMN-CTCP (cổ đông lớn)	030061 3198-024			Số 199D2, KP 4, P.7, Tp.Bến Tre	Mua gạo	918.500 kg	12.598
2	Công ty CP Xây lắp Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm		110066 4038			29 Nguyễn Thị Bảy, P.6, Tp.Tân An, Long An	Bao bì		32,50
3	Công ty Lương thực Trà Vinh		030061 3198-016			Số 102, Trần Phú, P.2, Tp Trà Vinh	Mua hàng hóa	113.600 kg	4.798,60
4	Công ty Lương thực Tiền Giang		030061 3198-009			Số 256, KP 2, P.10, Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang	Mua hàng hóa		3,19

S T T	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH (CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD)			Địa chỉ trụ sở chính	Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị (Đvt: Triệu đồng)
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp				
5	CN Công ty CP LT TpHCM – Food comart Đak Nông	Đơn vị trực thuộc TCT LTMN-CTCP (cổ đông lớn)	030055 9014- 006			Tổ dân phố 1, TT Kiến Đức, H.Đắk R'Lấp, Đắk Nông	Bán hàng hóa	1.456,9 kg	73,15

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Việc quản trị Công ty được thực hiện tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH KPMG. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 06 tháng 02 năm 2023.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2023-002-1
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2024

Lê Kim Yến
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0550-2023-002-1

105-06
HÀNH
TY TNHH
KIỂM T
ISC
HỒ C

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 tại website của Công ty:
www.safocofood.com

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Phạm Thị Thu Hồng